

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 12 - 2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Hồng Thu
2. Ông Dương Đình Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Bế Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương L, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn M, xã P, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Triệu U, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn M, xã P, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lương L và bà Triệu U có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã P, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, ông L, bà U sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996 không có đăng ký kết hôn và có một người con chung tên là Lương Xuân Tiến sinh ngày 08/12/1997. Trong quá trình sinh sống có nhiều mâu thuẫn phát sinh, đến khoảng năm 2010 thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, chửi nhau. Năm 2011 ông L sang Lào làm việc thỉnh thoảng mới về nhà vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Khoảng tháng 5/2017 ông L về và hai vợ chồng sinh sống cùng nhà với

nhau tại thôn M, xã P, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, mặc dù sống cùng nhà nhưng hai bên không nói chuyện với nhau, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mà ngày càng thêm trầm trọng, không còn quan tâm giúp đỡ, tạo điều cho nhau phát triển trong cuộc sống. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà U.

Về con chung: Ông Lương L và bà Triệu U có 01 người con tên là Lương Xuân Tiến sinh ngày 08/12/1997, hiện đã trưởng thành trên 18 tuổi, đang là sinh viên trường Sĩ quan thông tin của Bộ Quốc phòng, người con chung có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Vì vậy, về con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ông Lương L và bà Triệu U có 01 nhà cấp IV xây năm 2002 hiện nay giá trị còn lại khoảng 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, nhà được xây dựng trên đất của bố ông L. Ông L yêu cầu được sở hữu ngôi nhà và thanh toán cho bà U 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng. Đến ngày 16/11/2017 ông Lương L và bà Triệu U đã có văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và ngày 23/11/2017 ông L đã có đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên tòa ông L bà U xác nhận tài sản chung đã tự thỏa thuận xong và rút yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Lương L và bà Triệu U không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và các đương sự được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông Lương L và bà Triệu U chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay. Quá trình chung sống, mặc dù biết vợ chồng phải đăng ký kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lương L và bà Triệu U.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Đề nghị đình chỉ xét xử; nợ chung: Không có.

Ông Lương L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện: Mặc dù ông Lương L và bà Triệu U không đăng ký kết hôn tại UBND có thẩm quyền, nhưng trên thực tế họ đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay và có một người con chung (đã trên 18 tuổi). Do đó, ông L có quyền yêu cầu ly hôn bà U theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xét thấy theo như lời khai của các bên đương sự và kết quả xác minh tại UBND xã P, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, xác định được ông Lương L và bà Triệu U không đăng ký kết hôn tại UBND có thẩm quyền là đúng. Do ông L và bà U chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, vì vậy quan hệ hôn nhân chưa được xác lập. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà U.

[3] Về con chung: Ông Lương L và bà Triệu U có 01 người con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi), người con chung có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ngày 16/11/2017 ông Lương L và bà Triệu U có văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông L đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của ông L đã rút và trả lại tiền án phí đã nộp.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lương L và bà Triệu U.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung.

4. Về án phí: Ông Lương L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận ông Lương

L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03090 ngày 01 tháng 11 năm 2017. Trả lại cho ông Lương L 950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Lương L và bà Triệu U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THA dân sự thành phố Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn